

Số: 1698/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**  
**huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (lần 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/07/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực;*

*Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Thủy (Tờ trình số 1083/TTr-UBND ngày 29/7/2024) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 351/TTr-TNMT ngày 06/8/2024).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (lần 1) với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Phân bổ diện tích các loại đất:**

- Diện tích đất nông nghiệp là: 8.449,49 ha, giảm 37,03 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa là: 2.334,00 ha, giảm 31,43 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 940,65 ha, giảm 1,90 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.816,53 ha, giảm 3,55 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất là: 2.322,45 ha, giảm 0,15 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 3.950,17 ha, tăng 37,03 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ là: 305,44 ha, tăng 3,75 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 1.141,71 ha, tăng 15,87 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất giao thông là: 811,30 ha, tăng 13,25 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất thủy lợi là: 144,65 ha, tăng 1,26 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo là: 36,45 ha, giảm 0,19 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất công trình năng lượng là: 8,13 ha, tăng 0,15 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất cơ sở tôn giáo là: 8,97 ha, tăng 0,12 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là: 17,17 ha, tăng 1,30 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất ở tại nông thôn là: 862,22 ha, tăng 7,65 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất ở tại đô thị là: 66,26 ha, tăng 8,38 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

+ Diện tích đất xây dựng trụ sở, cơ quan là: 11,35 ha, tăng 0,08 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Thanh Thủy đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

**Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh kế hoạch**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh KHSDD (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>12.568,06</b>	<b>12.568,06</b>	<b>0,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>8.486,52</b>	<b>8.449,49</b>	<b>-37,03</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.365,43	2.334,00	-31,43
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.105,96</i>	<i>1.079,42</i>	<i>-26,54</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	942,55	940,65	-1,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.820,08	1.816,53	-3,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	507,46	507,46	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	2.322,60	2.322,45	-0,15
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>10,70</i>	<i>10,70</i>	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	446,58	446,58	
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	81,82	81,82	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.913,14</b>	<b>3.950,17</b>	<b>37,03</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,12	4,12	
2.2	Đất an ninh	CAN	4,52	4,52	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	13,06	13,06	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,47	33,47	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	301,69	305,44	3,75
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,06	71,06	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	158,43	158,43	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	23,60	23,60	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.125,83	1.141,71	15,87
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>798,05</i>	<i>811,30</i>	<i>13,25</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>143,39</i>	<i>144,65</i>	<i>1,26</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>36,64</i>	<i>36,45</i>	<i>-0,19</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>7,98</i>	<i>8,13</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>8,85</i>	<i>8,97</i>	<i>0,12</i>
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	15,87	17,17	1,30
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	854,57	862,22	7,65
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	57,88	66,26	8,38
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,27	11,35	0,08
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,02	0,02	
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,93	9,93	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDD được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh KHSDD (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.008,94	1.008,94	
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	218,88	218,88	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>168,41</b>	<b>168,41</b>	

## **2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.**

Tổng số 22 công trình dự án điều chỉnh, bổ sung, trong đó: 13 dự án bổ sung mới; 09 dự án điều chỉnh.

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

### **Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định; tham mưu thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

### 2. UBND huyện Thanh Thủy có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Có giải pháp cụ thể theo quy định của pháp luật để huy động vốn và các nguồn lực đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, UBND huyện Thanh Thủy, Công ty Điện lực Phú Thọ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**Danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Thủy,  
tỉnh Phú Thọ (lần 1)**  
(Kèm theo Quyết định số: 1698/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng các loại đất										Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	ODT	DGD	DGT			DTL	
<b>A</b>	<b>Dự án bổ sung Kế hoạch sử dụng đất 2024 (13 dự án)</b>															
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ mua sắm, nghỉ dưỡng và vui chơi.	1,09		1,09										Đồng Cổ Nạ và đồng Mường Khan, xã Sơn Thủy	NQ số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
		0,86		0,86									Đồng Cổ Nạ và đồng Mường Khan, xã Đoan Hạ			
2	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông nghiệp Lê Đình Thương	0,12	0,04		0,08									Khu Ao Trại (Khu 11), xã Đồng Trung	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
3	Khu dân cư nông thôn mới	1,37		1,30							0,03	0,04	Khu 6 (Khoảnh 6), xã Tu Vũ	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		
		1,13	1,02		0,01	0,08						0,02	Khu 16 (Đồng Làng), xã Tu Vũ			
4	Khu dân cư nông thôn mới	0,35		0,28		0,07								Khu 18 (Giếng Đá), xã Hoàng Xá	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
5	Khu dân cư nông thôn mới	1,73			1,53						0,10	0,10	Khu 1, xã Đoan Hạ	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		
6	Khu dân cư nông thôn mới	0,65	0,60								0,05		Khu 1 (đồng Xa Dâu), xã Bảo Yên	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		
7	Khu dân cư nông thôn mới	1,05	1,00									0,05	Khu 7 (đồng Trê Dưới), xã Tân Phương	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		
8	Khu dân cư nông thôn mới	0,88	0,71		0,16							0,01	Khu 7, xã Thạch Đồng	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		
9	Khu dân cư nông thôn mới	0,92		0,90								0,02	Khu 6, xã Xuân Lộc	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ		

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng các loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý		
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	ODT	DGD	DGT	DTL				
10	Khu dân cư nông thôn mới	1,33	1,23										0,05	0,05	Khu 11, xã Đồng Trung	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
11	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở, nhà ở; đất trồng cây lâu năm được tách từ thửa đất ở, nhà ở; Đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư nông thôn	3,40					3,40								Xã Tu Vũ (0,80ha); xã Đồng Trung (0,52ha); xã Hoàng Xá (0,3ha); xã Sơn Thủy 0,6ha; xã Bảo Yên (0,26ha); xã Thạch Đồng (0,45ha); xã Đào Xá (0,24ha); xã Xuân Lộc (0,1ha), Tân Phương (0,13ha)		
12	Chinh trang, phát triển đô thị	0,42											0,31	0,11	Khu 6, thị trấn Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
13	Khu nhà ở kết hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại thị trấn Thanh Thủy và xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	23,00	22,00											0,44	0,56	Thị trấn Thanh Thủy và Xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	NQ số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ
<b>B</b>	<b>Dự án Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất 2024 (09 dự án)</b>																
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện TP Việt Trì, huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ năm 2024 theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	0,12	0,01	0,02	0,03	0,04										Xã Xuân Lộc	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSDD năm 2024 đã duyệt diện tích 0,1ha, trong đó: LUC (0,01ha); LUK (0,02ha); HNK (0,03ha); CLN (0,04ha). Nay điều chỉnh, bổ sung loại đất như sau: LUC (0,01ha); LUK (0,02ha); HNK (0,03ha); CLN (0,04ha); RSX (0,02ha)
2	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực Tam Nông, Thanh Thủy bổ sung năm 2023	0,10	0,01	0,02	0,03	0,02		0,02								Xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSDD năm 2024 đã duyệt, trong đó: xã Đồng Trung 0,08ha (LUC (0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,02ha)); xã Bảo Yên 0,09ha (LUC(0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,03ha)); thị trấn Thanh Thủy 0,09ha (LUC(0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,03ha)). Nay điều chỉnh, bổ sung các loại đất như sau: xã Đồng Trung 0,10ha (LUC (0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,02ha);

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng các loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	ODT	DGD	DGT	DTL			
		0,09	0,01	0,02	0,03	0,03									Xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	RSX(0,02ha)); xã Bảo Yên 0,09ha (LUC(0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,03ha)); thị trấn Thanh Thủy 0,11ha (LUC(0,01ha); LUK(0,02ha); HNK(0,03ha); CLN(0,03ha); RSX(0,02ha))
		0,11	0,01	0,02	0,03	0,03		0,02							Thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy	
3	Mở rộng khuôn viên Trường THCS xã Đoan Hạ	0,17	0,17												Khu 2 (Đồng Sào), xã Đoan Hạ	NQ số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ năm 2024 đã duyệt LUC(0,05ha). Nay điều chỉnh, bổ sung thành LUC(0,17ha)
4	Trụ sở Công an xã Đào Xá	0,30		0,30											Xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ 2024 đã duyệt diện tích 0,2ha, trong đó: LUC (0,10ha); LUK (0,10ha). Nay điều chỉnh, bổ sung diện tích LUK (0,3ha).
5	Trụ sở Công an xã Hoàng Xá	0,30		0,30											Xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ 2024 đã duyệt diện tích 0,12 ha, trong đó: LUC (0,08ha); LUK (0,04ha). Nay điều chỉnh, bổ sung diện tích thành LUK (0,3ha).
6	Xây dựng nhà thờ và công trình phụ trợ của giáo họ Gò Xoan	0,20			0,12	0,05				0,03					Khu 01, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ 2024 đã duyệt 0,08 ha, trong đó: ONT (0,03ha); CLN (0,05ha). Nay điều chỉnh, bổ sung như sau: HNK (0,12ha); ONT (0,03ha); CLN (0,05ha).
	Mạch vòng 22kV giữa lộ	0,13	0,02	0,01	0,02	0,02	0,02	0,03					0,01		Xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ năm 2024 đã duyệt, trong đó: xã Đồng Trung 0,10ha (LUC(0,02ha); LUK (0,01ha); (HNK(0,02ha); CLN(0,02ha); NTS(0,02ha); DGT(0,01ha)); xã Tu Vũ

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng các loại đất											Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	ONT	ODT	DGD	DGT	DTL			
		0,07	0,01		0,01	0,01			0,03					0,01	Xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	0,04ha (LUC(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,01ha); DGT(0,01ha)). Nay điều chỉnh, bổ sung như sau: xã Đồng Trung 0,13ha (LUC(0,02ha); LUK(0,01ha); (HNK(0,02ha); CLN(0,02ha); NTS(0,02ha); DGT(0,01ha); RSX(0,03ha)); xã Tu Vũ 0,07ha (LUC(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,01ha); DGT(0,01ha); RSX(0,03ha))
8	Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Thanh Thủy (năm 2019)	0,08	0,01	0,01	0,01	0,02	0,01	0,01						0,01	Xã Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ năm 2024 đã duyệt 0,07ha, trong đó: LUC(0,01ha); LUK(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,02ha); NTS(0,01ha); DGT(0,01ha). Nay điều chỉnh, bổ sung như sau: LUC(0,01ha); LUK(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,02ha); NTS(0,01ha); DGT(0,01ha); RSX(0,01ha)
9	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực huyện Thanh Thủy năm 2024	0,07	0,01	0,01	0,01	0,01		0,02						0,01	Xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	NQ số 06/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ (biểu điều chỉnh). KHSĐĐ năm 2024 đã duyệt 0,05ha, trong đó: LUC(0,01ha); LUK(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,01ha); DGT(0,01ha). Nay điều chỉnh, bổ sung như sau: LUC(0,01ha); LUK(0,01ha); HNK(0,01ha); CLN(0,01ha); DGT(0,01ha); RSX(0,02ha)